

QUÁN ÂM HUYỀN NGHĨA KÝ

QUYỂN 4

Từ “Nếu duyên v.v...” trở xuống là y theo pháp mà phân biệt, có hai: Đầu tiên là phân biệt chúng sanh, và pháp không hoàn bị. Thứ lớp chúng sanh, pháp theo hai thứ Từ bi. Hai giáo Tạng - Thông cho đến Biệt trụ hạnh. Nếu chúng sanh duyên cũng gồm phạm phu ngoại đạo, thì có hai sở duyên sao được gọi là Phổ? Hai là từ “Nếu vô duyên v.v...” trở xuống phân định vô duyên mới là Phổ. Thập hồi hương bên Biệt giáo - sơ tâm bên Viên giáo, tu Từ bi này đến khi nhập vào Địa - Trú, mới có thể phần chứng, giống như gương sáng không lay động mà biểu hiện ra, đá nam châm không ý nghĩ mà hút vật. Từ bi này mới được gọi là Phổ. Từ “Giải thích riêng v.v...” trở xuống dựa theo ba từ của Viên đốn mà giải thích riêng. Ba là từ một niệm không dọc không ngang, cho nên Đại kinh chép: Từ nếu có- không - chẳng có - chẳng không, gọi là Như-lai Tư, có tức là chúng sanh duyên, không tức là pháp duyên, cả hai chẳng phải (song phi) tức là vô duyên thì tâm Phật trọn vẹn đầy đủ. Nay tu Phật tử, cho nên mỗi Từ đều Chẳng thể nghĩ bàn”. Văn chia làm ba: Đầu tiên là chúng sanh duyên từ, có hai: Thứ nhất nêu chung, có hai: Một là Một tâm duyên với một cõi chẳng phải là Phổ. Hai là từ: Nay quán v.v...” trở xuống là một tâm duyên với mười cõi là Phổ, có hai: Đầu tiên là quán chúng sanh, có ba: Thứ nhất là pháp đối với pháp giới ở duyên không rốt ráo chân thật, vì thế nay chúng sanh là khó nghĩ chân của tục, là thật giả của tục cho nên nói là Giả Danh, chẳng phải chỉ có nhân ngã, gọi là Giả Danh. Tánh mười cõi là một nêu ra một tức là mười, cho nên thành trăm cõi. Tất cả đều có tướng - tánh - thể - lực - tác - nhân - duyên - quả - báo gốc ngọn rốt ráo đẳng do đó có ngàn loại, đâu chỉ có ngàn loại thôi? Chúng sanh - Phật tất cả ngàn đều ngầm kín ở tánh. Hai là dụ. ba là hợp. Một tâm phạm phu có đủ mà không nhận biết, một niệm pháp nhãn bậc thánh trọn vẹn biết được khắp nơi. Từ “Biết ngàn loại tánh tướng này v.v...” trở xuống phát khởi Từ bi trọn vẹn. Nghe tên gọi học theo Từ bi của Phật, tức là trong một niệm quán

sát nhân duyên thiện ác - gốc ngọn khổ vui của chúng sanh trăm cõi, mà khởi lên ý nghĩ từ bi ban cho và dứt trừ. Như trong bốn thứ của mười Như ở Đại Bản giải thích: “Một là bốn đường, hai là người - trời, ba là nhị thừa, bốn là Bồ-tát - Phật. Nếu chia khổ vui ấy ra thì nên xếp bốn đường vào khổ, đường trời và người là vui. Hoặc sáu phàm là khổ - bốn Thánh là lạc. Hoặc chín cõi giới là khổ - Phật quả là vui: “Nay y cứ v.v...” trở xuống là giải thích, có hai: Đầu tiên nói về quán pháp, có hai: Thứ nhất chỉ ra hai cõi đầu tiên và sau cùng. Địa ngục là rất khổ, cõi Phật là tốt đỉnh an vui. Từ “Địa ngục v.v...” trở xuống là nói ngàn pháp trong một niệm. Có hai: Đầu tiên là nói địa ngục có đủ chín cõi còn lại, có hai: Thứ nhất trực tiếp là nói thẳng mười pháp của địa ngục, có hai: Một là nói về mười pháp, có mười: Một. Tánh. Hai. Tướng. Ba là Thể, Đại bản lấy chung phân tách nhỏ sắc tâm làm thể, nay chọn lấy giác ngộ khổ đau cho nên chỉ cho tâm. Bốn là “Cho đến..” trở xuống là Lực, có thể chịu đựng đao binh hoả hoạn nhiều kiếp dài lâu không ngớt. Năm - Tác: Đã có thể chịu đựng khổ đau thì tất nhiên tùy ý làm ác. Sáu là Nhân: Ba nghiệp hoạt động thành nhân của thói quen xấu. Bảy là Duyên: Nhờ vào các điều ác ngã và ngã sở mà tất cả phương tiện suy tính giúp thành nghiệp tập. Tám là Quả, nhân tập nghiệp dâm dục đã thành tựu, quả ở khổ cụ thấy là cảnh ham muốn, như xưa nhiễm ái. Chín là Báo, thói quen của quả thuộc về tâm cảnh tùy theo tâm biến đổi, nhân của báo đã lập đầy đủ tức nhận chịu thiêu đốt không sai. Mười là Bản mặt, Đại bản lấy tướng đầu tiên - báo sau cùng làm gốc ngọn, thì tu tánh đều như vậy. Nay muốn sáng tỏ đối với lý - sự không hai, cho nên lấy tu - tánh mà làm gốc ngọn, toàn tu thuộc về tánh - toàn tánh trở thành tu, mới được gọi là bậc rốt ráo. Từ “Địa ngục v.v...” trở xuống là nói chín cõi còn lại cũng như vậy. Nếu chẳng phải mười pháp thì không thành tựu một cõi. Từ “Cõi tương đương v.v...” trở xuống là nói đầy đủ chín cõi, mười pháp, có hai: Thứ nhất dựa theo Phật pháp khó có đủ để hỏi, cõi có pháp phân biệt vì sao nói có đủ lẫn nhau? Phật pháp xa lìa dâm nhiễm lập tức vượt ra ngoài phàm Thánh, vì sao nói địa ngục có đủ mười pháp ấy? Từ “Đáp Đại kinh v.v...” trở xuống nói về tâm phàm tức Phật để trả lời, có hai: Thứ nhất chính thức là nói về địa ngục có đủ mười pháp của Phật, có mười: Một là Phật tánh. Vua Tiên Dự đại muốn cảm hóa ngoại đạo, trong mười hai năm cúng dường chúng Bà-la-môn năm trăm vị, sau đó giúp họ quy y tin tưởng Đại Thừa Phương Đẳng. Bọn họ không quy y tin tưởng mà chê bai nói không có. Tiên Dự nghe chê bai bèn giết năm trăm người, năm trăm người rơi vào địa ngục liền

sanh ra ba ý nghĩ, ý nghĩ thứ nhất: Đây là nơi nào, mới biết là địa ngục, ý nghĩ thứ hai, Từ nơi nào đến, mới biết là loài người, ý nghĩ thứ ba: Duyên gì đọa địa ngục, biết rằng chê bai Phương Đẳng. Nhờ điều ấy hối hận lầm lỗi liền sanh đến cõi nước Phật, rốt ráo được thân Phật. Đây chính là Tiên Dự biết rõ người nơi địa ngục có Phật tánh, giết đi làm cho rơi vào địa ngục phát ra trong ba ý nghĩ. Bà Tẩu trước đây giết sinh vật “cúng tế trời”, vì thế đọa địa ngục ở tại địa ngục giáo hóa chín mươi ức người, từ địa ngục vượt ra đến hội Phương Đẳng. Đức Phật dạy: Bà ấy là tốt, Tẩu ấy là cao, người tốt trên cao há đọa địa ngục ư? Lại dạy: Bà ấy là kiên cường, Tẩu ấy là mềm mỏng, người kiên cường mềm mỏng há đọa địa ngục ư? Đây là quyền lực to lớn bày tỏ hiện rõ tướng ác, biểu hiện ở tại địa ngục có Phật tánh vậy. Hai. Phật tướng. Ba. Phật thể, ác tâm phẩm Thượng tức là Trung đạo. Bốn. Phật lực, tánh có đủ công dụng to lớn chính là tám tự tại. Năm. Phật tác, ở đây nói từ vô trú vốn lập nên tất cả các pháp ấy là muốn trình bày thuận theo Tu-làm nên cõi Phật. Nhân quả của chín cõi. Cõi giới đều làm trái căn bản lập nên, chỉ riêng nhân quả của Phật thuận theo căn bản mà thực hiện. Vì tánh bốn giác đầu tiên xa lìa trú trước, tức bốn vô trú. Nếu không thuận theo bốn vô trú mà làm, thì chẳng phải nhân duyên quả báo của cõi Phật. Đây là khéo tu, lúc tu này khởi lên, chợt nhiên có thể thực hiện trí hành tuyệt vời của bảy loại phương tiện do đó dụ cho dây gân sư tử bật đứt dây gân trăm loài thú, giọt sữa của sư tử thay đổi sữa của trăm loài thú. Cần phải biết rằng tâm của địa ngục, vốn có đủ tánh của tu tánh ở cõi Phật, như trong Đại bản lấy tướng - tánh - thể làm ba loại Phật tánh, từ Lực - Tác trở đi là tu của cõi Phật. Tu - tánh này phạm tâm đều có đủ. Đạt được tác ý này thì hiểu rõ các tu đều thuận theo tánh mà phát khởi. Sáu. Nhân: Tức là lý đã hiển bày thuận theo tu, cho nên nói là chánh nhân. Bảy - Duyên: Tức là thuận theo tu có thể giúp đỡ trí hành, cho nên nói là duyên, liễu. Nhưng nói tánh đức ấy là bởi vì tâm địa ngục vốn có vậy. Tám. Quả. Chín. Báo tức là duyên liễu trước đây đã hạn định hai quả, tâm của địa ngục không có gì không đủ. Mười. Phật bốn mặt rốt ráo v.v... Dựa theo tướng tu - tánh đang giải thích, cùng với địa ngục trước không khác nhau. Từ “Đại kinh v.v...” trở xuống là dùng cõi Phật so sánh mười pháp của cõi giới khác. Tuyết sơn là tâm địa cực ác. Diệu được độc thảo là hai cõi giới đầu tiên và sau cùng. Phật pháp vượt lên trên hơn hẳn mà địa ngục hãy còn có đủ, há không thể có đủ tám cõi giới còn lại hay sao? Từ “Địa ngục v.v...” trở xuống là chín cõi giới còn lại đều chính là mười cõi giới, địa ngục đầy đủ chín cõi giới đã nói như

trên, chín cõi giới tất cả đều có đủ chín cõi giới còn lại, ý có thể đạt được. Từ “Bồ-tát v.v...” trở xuống là khởi lên từ bi, có hai: Đầu tiên dựa theo mười cõi giới để giải thích, có ba: Thứ nhất đi sâu vào quán sát cảnh thiện ác: có hai: Một là pháp. Bồ-tát tu từ chỉ ở tại một niệm, quán sát khắp cả mười cõi giới, tu đạt được thiện ác đều chính là tánh có đủ, lấy tánh soi chiếu tu toàn bộ bến bờ thiện ác. Hai từ “Như thấy v.v...” trở xuống là dụ. Từ “Vì quán v.v...” trở xuống là mở rộng vận dụng tâm ban cho và dứt trừ, quán sát bảy pháp nhân duyên ở tại chín cõi giới, cho đến quả báo của hai tử đã sinh ra, đều chính là tánh đức cho nên khởi lên đại bi muốn dứt trừ nỗi khổ đó. Quán sát bảy pháp nhân duyên ở tại cõi Phật, cho đến quả báo của hai đức đã sanh ra, đều chính là tánh đức, cho nên khởi lên đại từ muốn ban cho niềm vui đó. Hỏi. Tánh đức thiện ác cho đến khổ lạc, đều là pháp môn bất sanh bất diệt, nay vì sao ban cho và dứt trừ? Đáp: Bàn nói về sự tuyệt diệu này không thể tùy tiện ý kiến, bởi vì ba thứ này Bồ-tát quán sát ở khổ lạc chỉ gọi là tu thành, cho nên giữ lại công lao của ban cho và dứt trừ, không vận dụng sức lực của vô duyên, vì thế cho nên Từ bi đều không gọi là Phổ. Nay biết rõ khổ lạc đã sanh khởi cho đến nhân duyên thường sinh ra, đều là tánh đức, do đó dứt trừ tất cả nỗi khổ không giảm chút nào, ban cho niềm vui không tăng chút nào, mới đạt được Từ bi rộng mở phổ biến vô lượng đời kiếp quên vất vả. Chúng sanh duyên này cùng với vô duyên đó không hai không khác nhau. Ba từ “Mười pháp giới này v.v...” trở xuống là kết thành Từ Bi Phổ. Từ “Hỏi: Cõi địa ngục v.v...” trở xuống là dựa vào địa ngục để phân biệt, có hai: Đầu tiên dựa theo khổ đau sâu nặng gây trở ngại cho niềm vui để hỏi. Hai là dựa theo thừa cơ thay thế khổ đau để trả lời, có hai: Đầu tiên từ “Đáp chúng v.v...” trở xuống thừa cơ chỉ ra nhân. Lấy ý nghĩ thứ ba nhớ lại biết rõ tội lỗi trước kia chắc chắn có tâm hối hận. Đại bực Thánh cơ hội hiện thân mình nói pháp, hoặc bí mật báo hiệu phát ra khiến cho tâm thiện khởi lên, tức là nhân của niềm vui. Hoặc lập tức được niềm vui như Bà-la-môn, hoặc về sau được niềm vui như Bà Tẩu đã cảm hóa. Hai từ “Lại Bồ-tát v.v...” trở xuống là thay thế nỗi khổ ban cho niềm vui. Thỉnh Quán Âm nói: “Hoặc đi lại chơi đùa nơi địa ngục khởi đại bi thay thế nhận chịu khổ đau”. Hai là pháp duyên từ chúng sanh duyên trước đây nếu duyên với sáu cõi giới chỉ là sanh tử Tục, không được gọi là Phổ. Nhị thừa quán sát đầy đủ mười cõi giới tức là Chân. Bồ-tát là Tục - Phật là Trung đế. Đã thuộc về một niệm, tức là chẳng phải thứ lớp, hướng chi lại hòa hợp lẫn nhau mà thành ra trăm cõi giới, càng biểu hiện rõ một Giả tất cả Giả vậy. Chúng

sanh duyên này sao có thể không Phổ? Nay nói về pháp duyên tức là ở tại cảnh này mà quán sát hương về không. Nhị thừa không Tục - Bồ-tát không Chân, Phật không hai đế. Đã dựa theo trăm cõi giới chính là một không tất cả không, gọi là rốt ráo không. Đây đủ mà nói thì ba ngàn chính là không, tên gọi pháp duyên này, sao có thể không Phổ? Đầu tiên nói về quán cảnh, có ba: Thứ nhất sâu sắc quán tánh không, có ba: Một là quán ngàn pháp không. Mười cõi giới chắc chắn là trăm thì tánh - tướng có ngàn, quán sát chỗ này đều không suy cho cùng là vô tướng. Hai từ “Mười pháp v.v...” trở xuống quán sát ba ngàn không. Ngàn pháp ở trên đối với Giả - đối với Thật, cho đến đối với y báo thì trở thành ba ngàn. Ba từ “Vô ngã v.v...” trở xuống quán sát hai Thủ-Không. Vô năng quán ngã - vô ngã sở quán, vô trí vô đắc xa lìa hai tướng Thủ. Hai từ “Như huyễn v.v...” trở xuống nêu lên dụ vốn Không. Không chỉ Tục huyễn mà Chân - Trung cũng huyễn, mới là dụ về pháp duyên của Viên gia. Ba từ “Thường tịch v.v...” trở xuống là dẫn chứng Viên không. Ba ngàn thanh trừ tướng tức là giáo hiện tại suy cho cùng quy về nơi không. Từ “Chúng sanh v.v...” trở xuống là pháp khởi từ bi, có ba: Đầu tiên đích thực chỉ ra từ bi, có hai: Thứ nhất trình bày tướng ban cho và dứt trừ. Sanh tử Niết-bàn vốn không có hai tướng, bởi vì không giác ngộ cho nên chỉ khổ đau không có niềm vui. Từ “Cứu họ v.v...” trở xuống là trình bày pháp thường ban cho và dứt trừ. Tức là dùng ba đế như huyễn Từ bi, dứt trừ và ban cho nỗi khổ niềm vui như huyễn của mười cõi giới. Từ “Tịnh danh v.v...” trở xuống dẫn chứng Chân Thật. Nói ba đế “không” Từ tức là Chân Thật. Từ “Nếu duyên v.v...” trở xuống là kết thành Viên Phổ, có thể hiểu được. Ba là Vô duyên từ: Tên gọi khác của Trung quán. Trung thì tuyệt đãi - có duyên chẳng phải là Trung.

Hỏi: Từ bi cần phải đối với khổ lạc của chúng sanh, nếu không có khổ lạc đó sao có thể ban cho và dứt trừ?

Đáp: Đại thừa đã nói về Đồng thể Từ Bi tâm, Phật chúng sanh cả ba không sai khác, danh tự địa vị Viên học ngay nơi tâm - Phật từ ngay nơi tâm - độ chúng sanh ngay nơi tâm. Chúng sanh đã đồng Thể, khổ lạc ban đầu tánh có đủ, cho nên không có năng duyên sở duyên, cũng không thể dứt trừ - Không thể ban cho. Như vậy Từ bi cùng tận thời gian vị lai, dứt trừ tất cả khổ đau mang lại niềm vui rốt ráo. Bàn luận đầy đủ không riêng gì vô duyên như vậy, chúng sanh pháp cũng như thế, vì sao? Bởi vì chúng sanh duyên Giả danh ba đế đều Giả. Pháp duyên không tịch ba đế đều không, vô duyên chính là Trung ba đế tuyệt đãi, ba từ đều chiếu soi viên dung ba đế, há có thể hai Từ chẳng phải Đồng

Thế ư? Chỉ thuận theo thích hợp với niềm vui cho nên lập ra ba môn. Người thích hợp Thủ môn, cho nên nói về chúng sanh duyên. Người thích hợp Xả môn, cho nên nói về pháp duyên. Người thích nghi không thủ, không xả nên nói vô duyên. Giải thích điều này chia làm hai: Đầu tiên dựa theo ba quán nêu ra Từ bi, có hai: Thứ nhất trình bày tướng tu, có hai: Một là dựa theo cả hai đều ngăn nói về quán pháp. Nếu duyên với giả danh của sáu cõi giới, Giả này chắc chắn Giả tức là có sở duyên, ngay nơi duyên mười cõi giới Giả chưa chắc là Giả, vì thế duyên tức là chẳng duyên. Nếu duyên với sáu cõi giới như huyễn thì không này chắc chắn không tức là có sở duyên, đã duyên với mười cõi giới không chưa chắc là không, do đó duyên chính là vô duyên. Vì thế nói không duyên tánh tướng mười cõi giới. Chẳng duyên với chân của mười cõi giới, ngay nơi giới hạn là Trung cho nên ngăn dứt hai bên. Đã là ngay nơi giới hạn lại sao là Trung đạo? Trung - Biên mất dấu vết bất khả tư nghị, miễn cưỡng nói là vô duyên. Từ “Như thế v.v...” trở xuống dựa theo cả hai chiếu (song chiếu) giải thích về Từ bi, có ba: Một là pháp. Tâm không nơi gởi gắm tự tại soi chiếu cả hai, không dứt trừ mà khắp nơi dứt trừ - dứt trừ tất cả khổ đau, không ban cho mà khắp nơi ban cho ban cho niềm vui rốt ráo. Từ “Như từ v.v...” trở xuống là dụ, không có giáo dụ cho vô duyên - tương ứng dụ cho ban cho và dứt trừ. Ba từ “Vô duyên v.v...” trở xuống là hợp. Hai từ “Hành giả v.v...” trở xuống trình bày đi vào địa vị, có hai:

Một là dựa theo địa vị giải thích về có chứng đắc. Nên biết rằng lý tánh có đủ ba loại từ bi, toàn tánh khởi tu trở thành ba quán trí, tuy là sáu địa vị nhưng vô duyên không khác, chắc chắn đang chứng ngộ mới rõ ràng ban cho và dứt trừ. Từ “Bất động v.v...” trở xuống dẫn ra dụ để hiển bày vô duyên. Gương sáng như Thế của Từ, hiện rõ ra hình ảnh tức là ban cho niềm vui, nam châm như công năng của Bi, hút sắt tức là dứt trừ khổ đau. Từ “Tam đế v.v...” trở xuống dựa theo ba đế nói về Phổ Môn. Ba đế gọi là Phổ tức là năng thông. Lại nói thông đến Trung đạo ấy là dựa theo chứng đắc làm sở thông. Lại nữa, tức một mà ba là năng thông, tức ba mà một là sở thông, sở thông bật dứt đối đãi miễn cưỡng gọi là Trung đạo mà thôi.

Hai là Thệ Nguyện Phổ. Có hai: Một. Giải thích tên gọi. Hai từ “Hoằng thệ v.v...” trở xuống là nói về nghĩa, có hai: Đầu tiên chung nói về tướng Thệ, có ba: Thứ nhất trình bày công dụng của bốn Thệ. Có hai: Một là chung trình bày Thệ trở thành từ bi. Hai đế khổ tập là nhân quả khổ đau, hai đế đạo diệt là nhân quả vui sướng. Từ “Nếu thấy v.v...”

trở xuống là tách biệt trình bày sự ban cho và dứt trừ của Thệ, có bốn: Một là nguyện cứu độ quả. Khổ đau. Từ “Nếu thấy v.v...” trở xuống là nguyện giải thoát nhân của tập. Ba từ “Thanh tịnh v.v...” trở xuống là nguyện an ổn nơi đạo thanh tịnh. Bốn từ “Diệt phiền v.v...” trở xuống là nguyện đạt được Niết-bàn. Hai từ “Sanh tử v.v...” trở xuống nói về bốn Thệ sắp xếp lần lượt, có hai: Một là tóm tắt nêu ra nhân quả trước sau. Hai nguyện dứt trừ khổ đau dựa theo biết rõ khó dễ, dễ tất nhiên ở trước. Hai là nguyện ban cho, niềm vui là trước tu sau chứng, mà làm thứ lớp. Hai từ “Đại kinh v.v...” trở xuống tách biệt chứng do đạo thu được diệt. Sự khoan lay động dụ cho đạo phẩm, sữa đặc dụ cho thiện hữu lậu, bốn vị như lạc v.v... dụ cho bốn giáo diệt, đạo phẩm không phối hợp điều hòa mất đi thiện phương tiện, so sánh quả của bốn diệt, không nói là sữa đặc và bơ chín ấy là văn lược bớt. Ba là trình bày chung yêu cầu của bốn Thệ, có hai: Một là trình bày bốn đế dựa vào một tâm. Hai loại nhân quả thế và xuất thế gian về sự tương tự chẳng phải một, vốn yêu cầu chung đó không ra ngoài tự tâm, tại vì sao? Bởi vì Tập là bốn tâm - khổ là ba thọ, Đạo là định tuệ - Diệt là chứng trí, há chẳng phải bốn đế đều là một tâm ư? Hai là dùng bốn đế ví như bốn hoàng thệ.

Từ “Tiếp nói rõ v.v...” trở xuống trình bày Phổ Bất Phổ, có hai: Đầu tiên Đại sư dựa theo thiên - viên để phân biệt, có hai: Thứ nhất thiên lệch Thệ không Phổ, có ba: Một là hạng phàm phu chán ghét bậc dưới thấp, lập tức quán sáu hành. Nghĩa là chán ghét khổ đau thô trước ngăn cách dưới thấp bàm víu thẳng diệu xuất hiện ở trên, vì thế bốn vô lượng dựa theo đây mà ban cho và dứt trừ, hư nguy cạn cột hẹp hòi sao có Phổ được? Hai là Nhị thừa - Nhị thừa cần phải gồm đủ hai giáo. Không nói hàng Bồ-tát ấy là ban cho và dứt trừ phân chia ngang nhau chỉ ở trong cõi giới, do đó quả trách nhị thừa thấy không Phổ kia. Ba là Biệt giáo - Bởi vì thứ lớp cho nên sơ tâm không Phổ. Hai từ “Nếu viên v.v...” trở xuống là Thệ trọn vẹn thường Phổ, có ba: Một là một niệm soi chiếu đầy đủ trình bày ý Phổ. Khổ tập của mười cõi giới - đạo diệt của bốn giáo, tức là quay về một niệm viên đốn mà quán sát. Từ “Biến tri v.v...” trở xuống là biết khắp cả bốn đế nói về tướng Phổ, có bốn: Đầu tiên Tập Phổ, có ba: Thứ nhất biết Tập của phàm phu Sư Nhiếp Đại thừa - gọi là Hữu vi duyên tập, Thể là kiến ái. Hai từ “Nhị thừa v.v...” trở xuống là biết tập của nhị thừa, có ba: Đầu tiên nêu ra tên gọi của ba Tập. Sư Nhiếp đại thừa - gọi là Vô vi duyên Tập. Thể là vô minh. Hai là Tịnh danh chứng minh. Không nhiễm sanh tử mà nhiễm Niết-bàn. Kết tập ấy là thói quen còn lại của kiết sử. Vì trong Tiểu thừa giáo chưa

nói đến biệt hoặc - chánh sử của Thanh-văn, tạm thời nương nhờ, thói quen khác của Thông hoặc mà nói. Ba là Đại kinh chứng minh. Đạo phẩm của nhị thừa so với Đạo thừa, là tà chẳng phải chánh. Ba từ “Cho đến...” trở xuống là biết đầy đủ Tập. Trước trụ là tương tự ái, trên trụ là chân ái. Cũng là ngang nhau: Tức là Vô vi duyên Tập thông suốt đến Đẳng Giác. Nếu Sư Nhiếp Đại thừa - lập nên bốn thứ duyên Tập trên, hai Tập trước lại thêm tự Thể cho đến pháp giới, ý chính của tông phái hiện nay chỉ lập nên hai loại, bởi vì tự Thể pháp giới không khác vô vi, thấy đều là vô minh trong chướng cho nên nếu dựa theo vô vi phân biệt đưa ra hai loại, thì cũng không sai, tức là lấy Địa thứ mười làm Tự Thể, Đẳng Giác làm pháp giới, mở rộng như trong Tịnh danh Số Ký. Hai từ “Biến tri khổ v.v...” trở xuống là Khổ Phổ. Lấy nhân đối chiếu quả thì biết rõ không sai lầm. Ba từ “Biến tri đối v.v...” trở xuống là Đạo Phổ, có hai: Một là biết khắp đạo thiên lệch nên không Phổ. Trời người ví dụ lập nên tên gọi của Đạo - Diệt, đạo không tác động đến hoặc - Diệt không vượt ra cõi giới, có tên gọi mà không có nghĩa. Đạo - Diệt của ba giáo tuy có thể tác động vượt ra, nhưng nghĩa Phổ chẳng thành tựu. Hai từ “Viên giáo v.v...” trở xuống là biết Trung đạo Phổ của Viên giáo. Ba ngàn đều Trung thì gọi là Thật tướng. Không tác động mà chuyển vận mới nói là Đại thừa. Lấy điều này làm nhân cho nên gọi là Phổ Đạo. Bốn từ “Cho nên, sở đắc v.v...” trở xuống là Diệt Phổ. Thật tướng ba ngàn rốt ráo để lộ ra nơi chốn, gọi là Viên Diệt. Kiếp hoả dụ cho Trung trí - để lại tro bụi dụ cho vô minh. Ba từ “Sở quán v.v...” trở xuống dựa vào để giúp đỡ khắp nơi khởi lên Phổ Thệ.

Từ “Riêng dùng v.v...” trở xuống là Chương An sử dụng tu tánh phân định Bồ-tát khởi thệ. Muốn dứt trừ nghiệp ác của chúng sanh trong mười cõi, muốn phát sanh thiện nghiệp của chúng sanh mười cõi giới. Quán sát thiện ác này nếu chỉ tu thành tựu, người không biết tánh có đủ, thì thệ này không Phổ, vì sao? Vì tánh đã viên dung thì sự nhất định gồm thâu khắp nơi, như người bên Biệt giác không biết tánh có chín, vì thế mười chỉ là mười, người bên Viên giáo biết tánh có chín cho nên mười tức là trăm, đâu chỉ riêng từng cõi một gồm thâu rộng khắp hay sao? Cũng giống tánh - tướng thu nhận lẫn nhau, cho nên có thể Như một mà thu nhận mười cõi, dùng Như thu nhận cõi giới - lấy cõi thu nhận Như, mỗi một không giới hạn chồng chất chẳng tận cùng. Cõi giới Như này không ra ngoài thiện ác, thể dứt trừ ác này thì ác nào không dứt trừ, thể sinh ra thiện này thì thiện sao không sinh ra? Do đó biết quán sát tánh thệ nguyện mới Phổ. Chương An phân biệt riêng dùng nghĩa của Sư,

thành tựu luận nói của Sư khiến cho Thiên - Viên trước đây rõ ràng có thể thấy được, do đó nói lời khác nhau mà không nói là nghĩa sai khác. Hóan ấy là thay chỗ. Dùng tánh mười cõi và bốn đế Viên, thay nhau biểu hiện soi chiếu.

Ba là tu hành Phổ, tức chỉ rõ người hành diệu, là dựa theo năm hạnh của Đại kinh. Ba là Tu Hành Phổ. Chỉ ra hạnh diệu ấy, nơi kia dựa theo trình bày thứ lớp hay không thứ lớp. Tạm thời thứ lớp năm hạnh là: Một. Thánh hạnh, gọi là giới định tuệ. Hai. Phạm hạnh, đó là từ bi hỷ xả. Hai hạnh này đều là hạnh tu nhân của Địa Tiên. Ba. Thiên hạnh, gọi là Sơ Địa trở lên chứng được đệ nhất nghĩa Thiên, Lý của thiên nhiên, do lý thành hạnh cho nên gọi là Thiên hạnh. Bốn là hạnh Anh nhi, gọi là thị hiện giống như ba thừa, hạnh của người tu bảy phương tiện. Năm là bệnh hạnh, gọi là thị hiện làm thân của chín đường, hiện tại có tướng của ba chướng. Hai loại này đều là hạnh thuận theo quả khởi lên ứng. Năm hạnh không thứ lớp ấy, ngay trong Đại kinh chép: “Lại có một hạnh gọi là hạnh Như-lai, vốn gọi là Đại thừa Đại bát Niết-bàn, Đại thừa là nhân trọn vẹn - Niết-bàn là quả đầy đủ”. Nay văn tuy nêu ra thứ lớp mà ý ở nơi không thứ lớp, vì hạnh Như-lai là Tu hành Phổ.

Bốn là Đoạn hoặc Phổ, có hai: Một là nói về hai quán đoạn không Phổ. Ba thừa Tạng - Thông và Trú - Hạnh bên Biệt giáo đều thuộc về hai quán, Thập hồi hướng tu Viên giáo thuộc về Trung quán sau. Từ “Nếu không v.v...” trở xuống trình bày Trung quán đoạn mới Phổ. Sơ tâm của người bên Viên giáo thấu suốt kiến tư tức là Trung đạo, điều tàn phá trừ vô minh gọi là nhổ sạch gốc rễ, gốc rễ đã lay động thì cành lá hư hại trước. Quán sát chướng chính là đức gọi là lật đất lên, đã quán Trung đạo thì hai quán tự nhiên thành tựu, ba quán trọn vẹn tu thì chẳng có hoặc nào không phá trừ, vì thế được gọi là Phổ.

Năm là Nhập Pháp Môn Phổ, có hai: Một là nói nghiêng về Tiểu thừa không Phổ. Tu không xứng hợp tánh thì chứng là tầng bậc sai khác. Mình chỉ biết v.v... Trong Hoa Nghiêm - Thiện Tài tìm thiện tri thức, trải qua một trăm mười ngôi thành, các bậc tri thức đã gặp đều nói ta chỉ biết một pháp môn này. Tân kinh nói đến thứ năm mươi gặp Di-lặc, thứ năm mươi ba gặp Văn Thù - Phổ Hiền, thì không trở lại nói chỉ biết một pháp, do đó biết tức là trước tiếm sau đốn. Từ “Nếu nhập v.v...” trở xuống dựa theo viên đốn gọi là Phổ, có ba: Một là pháp. Đại kinh nói hai mươi lăm Tam-muội Vương phá trừ hai mươi lăm hữu hiển bày ở ngã tánh. Tam-muội: Ở đây gọi là Điều Trực Định, mà nói là Vương ấy, trong Diệu Huyền chép: “Không - Giả điều trực không được làm Vua,

cho nên nhị thừa đi vào Không - Bồ-tát ra khỏi Giả, không gọi là Pháp Vương. Trung đạo điều trực cho nên được gọi là ". Hai là dụ. ba là hợp. Xuống dưới ba đế theo lý ở ngoài định, tất cả có nhiều loại trợ đạo thiền định, gọi là quyển thuộc.

Sáu là Thần Thông Phổ, thần thông có sáu thứ, đó là Thiên nhãn - Thiên nhĩ - Tha tâm - Túc mạng - Thân như ý và Lưu tận. Cái gọi là thần thông ấy, trong kinh Anh Lạc chép: "Thần gọi là Thiên tâm - Thông gọi là Tuệ tánh. Tuệ của thiên nhiên soi chiếu thấu suốt không ngăn ngại, cho nên gọi là thần thông". Nay văn lược bớt nêu ra Thiên nhãn để làm mẫu cho năm thứ còn lại. Đầu tiên nói về Thiên nhãn, có hai: Thứ nhất Thiên giáo chẳng phải Phổ. Đại La-hán thấy đại thiên ấy, theo Đại luận quyển năm chép: "Đại La-hán dụng tâm nhỏ thấy hai ngàn cõi, dụng tâm lớn thấy ba ngàn đại thiên thế giới, Bích Chi Phật cũng như vậy". Nay nói trăm cõi Phật, trong Đại Bộ Văn Cú cũng chép: "Bích chi Phật thấy trăm thế giới Phật, không bị phong luân làm ngăn ngại, cũng không ngăn cách cõi mình cõi người". Trước giống như người La-hán thuộc về Tam tạng, ở đây chắc chắn thuộc về Thông giáo. Bồ-tát thấy hà sa cõi Phật ấy, chính xác chỉ riêng Biệt giáo mà nghĩa bao gồm cả Thông giáo. Cần phải biết rằng Thiên nhãn những bậc này nhìn thấy cõi nước, đều nói theo Đồng cư tịnh uế vì thể chất của cõi Hữu dư là một. Từ "Nay viên v.v..." trở xuống Viên giáo là Phổ. Duyên với mười pháp giới ấy là Thiên nhãn trọn vẹn chân thật đầy đủ năm thứ nhãn, thấy sáu đường tức là Nhục nhãn - Thiên nhãn, thấy nhị thừa tức là Tuệ nhãn, thấy Bồ-tát tức là Pháp nhãn, thấy cõi Phật tức là Phật nhãn. Nếu như vậy thì đâu khác gì với Phật nhãn? Đáp: Tịnh danh Sơ chép: "Thấy sắc thô tế của mười pháp giới, gọi là chân thật Thiên nhãn, thấy ba đế không hai gọi là Phật nhãn". Từ "Mắt thấy v.v..." trở xuống ví dụ năm thần thông còn lại. Trong Thông Diệu nói về nhị thừa dựa vào lìa bỏ nơi hơn hẳn tất cả các nơi, tu mười bốn loại biến hóa phát ra được thần thông. Bồ-tát Sáu độ nhờ thiền đạt được năm loại, lúc ngồi nơi đạo tràng đạt được sáu loại. Bồ-tát Thông giáo nhờ thiền đạt được năm loại, dựa vào Thể của Pháp - Tuệ đạt được sáu loại: Địa tiền bên Biệt giáo dựa vào thiền đạt được năm loại, Đẳng địa phát ra sáu loại. Viên giáo không căn cứ sự thiền mà phát ra, chính là chân thật Trung đạo, tự có thần thông tùy ý vận dụng mà phát khởi. Lại nói: Ba luân thay đổi không thể nghĩ bàn.

Bảy là Phương Tiện Phổ, có hai: Một là bỏ Thông lấy Biệt. Ba đạo trong Tỳ-đàm là Phương tiện đạo phục - Vô ngại đạo đoạn - Giải

thoát đạo chứng. Nay lấy vô ngại mà làm Trung đạo, tiến hành điều phục hoặc gọi là tiền phương tiện, ở tại địa vị giải thoát quán sát cơ duyên trao cho pháp đều là hậu phương tiện. Từ: “Nếu Nhị thừa v.v...” trở xuống nói về Phổ - Không Phổ, có hai: Một là giáo Tiểu thừa không Phổ. Tiểu Bồ-tát là hai giáo Tạng - Thông. Không nói Biệt là bởi vì nay chính là nói về Đạo hậu phương tiện, Biệt giáo chứng đặc giống như Viên giáo cho nên không nói đến. Hai là Viên giáo nói về Phổ. Hai để làm phương tiện: Người Viên giáo tuy quả là đốn quán ba đế, mà chính giữa cần phải là Thật, hai để là Quyền cho nên cả hai gọi là Phương tiện. Nên biết rằng ba đế là tánh ba nhân, mà duyên liễu thuộc về tu, cho nên cả ba dung thông lẫn nhau xa lìa dọc ngang sai lầm, không giống như Biệt giáo cả ba đều thuộc về tánh không thu nhiếp lẫn nhau. Thế nên Chân thì ba đế đều phá bỏ, Tục thì ba đế đều lập thành. Đã phá bỏ đã lập thành thì nghĩa phương tiện được thành tựu, thu nhận được tất cả phương tiện vậy. Phá bỏ lập thành ở đây nơi nào không thu nhận? Hoặc người hoặc trời hoặc Đại hoặc Tiểu, tất cả trí tuệ đều phá bỏ gồm thâu, những người phước thiện là đều lập thành thu nhận. Lấy phá bỏ lập thành này để phát khởi Trung đạo cả ba không phá bỏ không lập thành, do đó một niệm đầy đủ quán, có đủ tánh có đủ tu hàm chứa quyền hàm chứa thật, nghĩ bàn không dứt mà chẳng gì tạo ra Môn đó. Đi vào Trung đạo rồi cùng soi chiếu các loại ấy là, Đạo tiền tự hành đã lấy hai đế để phát khởi quay về Trung đạo, Đạo hậu lợi tha cũng giống như vậy. Soi chiếu Chân thì dùng Chân thân lợi ích vật, soi chiếu Tục thì dùng ứng thân đi đến cơ. Vì thế hai chữ Thần Biến có chung có riêng, chung thì hai thân đều có thần biến, biệt thì Chân vận dụng thần linh dứt trừ ba khổ chương đau, ứng thường biến hiện ban cho ba đức vui sướng, đều lấy ba ngàn mà làm thần biến, cho nên nói khắp cả mười pháp giới. Dụng của hai chiếu tăng, thể của hai ngăn hiển, ở pháp thân đó làm gì có tổn giảm. Người Viên giáo từ đầu đến cuối phương tiện đã rõ, do đó đều gọi là Phổ.

Tám là nói Pháp Phổ, có hai: Một là giáo Tiểu thừa không Phổ. Đây cũng chỉ về hai giáo trước, bởi vì nay nói pháp là trong địa vị phần chứng của Biệt giáo Viên giáo, công dụng của Hóa thân. Hai là Viên giáo nói về Phổ. Nhất âm: Tức là một âm trong tám mươi tướng tốt có thể trả lời nhiều tiếng, khác địa phương, khác loài chẳng ai không được lợi ích. Luận Khởi Tín chép: “Viên âm một khi giảng nói các chủng loại khác nhau đều hiểu”.

Chín là Cúng Dường Phổ, có hai: Một là nêu ra, hai là từ “Hoa

Nghiêm v.v...” trở xuống tùy đó giải thích, có hai: Một là giải thích sự cúng dường, căn bản phần chứng ba ngàn của Sự, công dụng mười phương sáu trần của Lý. Thượng hiến Phật: Bày tỏ nhân hưởng đến quả. Hai là từ “Lý giải v.v...” trở xuống giải thích Lý cúng dường, có hai: Một là chính thức giải thích. Muôn hạnh xông ướp trí gọi là cúng Phật, trí đầy đủ ba loại nên gọi là tất cả. Trí này là Chánh Thể của chư Phật ba đời trong mười phương, lại gọi là tất cả. Từ “Tịnh danh v.v...” trở xuống là dẫn chứng. thức ăn tức là ba đế thường phát ra ba trí, lý Phật - sự Phật đều cung cấp đều cúng dường.

Mười là Thành tựu Phổ, có hai: Một là nêu ra Phổ và Không Phổ để dụ, có hai: Thứ nhất nêu ra ánh sáng đom đóm. Thứ hai nêu ra ánh sáng mặt trời. Cỏ cây rừng rậm nêu chung ba loại cỏ - hai loại cây (ngũ thừa), hoa trái thành tựu sơ lược dụ cho mười loại lợi ích. Từ “Ngoại đạo v.v...” trở xuống là nói về pháp Phổ - không Phổ, có hai: Một là nói về phạm, tiểu, thông, biệt. Từ “Nay Viên v.v...” trở xuống nói về Viên Thánh Từ Tuệ, có ba: Một chính là nói. Hai từ “Hoa Nghiêm v.v...” trở xuống là dẫn chứng. Nhân chính là phát tâm xứng hợp với tánh, quả thì tùy cơ lợi ích khắp cả. Ba là từ “Thí như v.v...” trở xuống là lập lai dụ. Đây là một mặt đất một cơn mưa trong kinh này chúng sanh nói là khác, ý Thánh không nghiêng về có hai. từ “Phổ Môn v.v...” trở xuống là nói về nghĩa vô lượng của Phổ Môn, có hai: Một là nói về Tịnh danh ba hiệu khó nhận được. Kinh ấy nói: “Pháp của chư Phật tất cả đều như nhau, thế nên gọi là Tam-muội Tam Phật-đà, gọi là Đa-đà-a-già-độ, gọi là Phật Đà. A-nan! Nếu Ta nói rộng ra nghĩa ba câu này, ông ở tại kiếp thọ không có thể nhận lãnh hết, chính là khiến cho chúng sanh đầy trong ba ngàn đại thiên thế giới, đều học rộng bậc nhất giống như A-nan, được niêm tổng trì. Những người này đều dùng tuổi thọ một kiếp, cũng không thể nhận lãnh được”. Hạng như Tịnh Danh là giống như hạng ở kinh kia, các kinh Đại thừa gọi là ba hiệu, thấy đều khó nhận được. Từ “Nay đây v.v...” trở xuống là nói ba nghĩa của đề này giống với kinh kia. Chữ Quán của kinh này giống như hiệu Phật Đà thứ ba của kinh kia, vì ở đây nói là Giác Giả. Thế Âm giống hiệu Đa-đà-a-già-độ thứ hai của kinh kia, ở đây nói là Như-lai, bởi vì Thế Âm hiện nay tức là cảnh Như Như. Phổ Môn giống như hiệu Tam Miệu Tam Phật Đà thứ nhất của kinh kia, ở đây nói là Chánh Biến Tri, bởi vì một Thật tướng mở ra mười Môn. Ba nghĩa này nếu nói rộng ra thì kiếp thọ không ai nhận được. Ba nghĩa Chương An dựa vào phẩm chứng minh mười nghĩa. Chương lớn thứ hai giải thích Thể, có hai: Một là sơ lược nêu ra

Thế của phẩm này, có hai: Thứ nhất nêu ra Thế hiện nay. Linh trí là Thỉ giác. Pháp thân ấy là Bốn giác. Cùng là một Giác nơi nào nói về hợp! Chỉ vì vốn mê mờ nên giác trở thành không thể giác, đầy đủ địa vị tên gọi tìm tên gọi của Giác vốn có, công chẳng điều phục dứt trừ thì nghĩa hợp chưa thành tựu. Năm phẩm nhanh chóng điều phục được gọi là Quán hợp, sáu căn hình như hợp, phần chân chứng hợp. Nay Quán Thế Âm hợp với cực quả gần bên cạnh, toàn Bốn làm Thỉ thật sự chẳng phải hai Thế. Vì có không Giác cho nên dựa theo điều phục dứt trừ mà luận đối với hợp. Bốn giác khuôn giữ sanh Thỉ hiểu giải, cho nên gọi là Pháp. Tự nhiên tích tụ ba ngàn diệu đức, cho nên gọi là Thân. Thỉ giác căn bản sáng tỏ cho nên gọi là Linh. Nay có thể dứt trừ - chứng đạt cho nên gọi là Trí. Bốn - Thỉ không hai là đã giải thích về Thế. Hai từ “Hoặc kinh khác v.v...” trở xuống là khác với kinh khác, có hai: Một là dùng ba. Hai đối chiếu giải thích. Kinh khác trình bày ba thân ấy là, Kinh Kim Quang Minh lập nên Hóa thân - Ứng thân - Pháp thân. Lại nói: “Như-lai đạo nơi pháp tánh vô lượng sâu xa, Như-lai là ứng - thường đạo đi là Báo, pháp tánh là Pháp”. Tích Môn của kinh này nói: “Chỉ có Phật và Phật mới có thể hiểu thấu đáo hết thật tướng các pháp. Năm Phật tức ứng, năng thấu đáo là Báo, Thật tướng là Pháp”. Bốn Môn nói “Như-lai thấy biết như thật về tướng của ba cõi, chẳng phải giống như - chẳng phải khác nhau, Như-lai tức là ứng, thấy biết như thật là Báo, chẳng phải giống như - chẳng phải khác nhau là Pháp”. Tịnh danh nói có giải thoát tên gọi chẳng thể nghĩ bàn là Pháp, Trú là giải thoát tức là Báo, có thể để Tu-di vào trong hạt cải là Ứng. Đại phẩm nói ba Bát-nhã cũng là ba thân. Các kinh bậc này đều đồng ý ba thân đối chiếu Thế - Tông - Dụng. Phẩm này chỉ có nghĩa về hai thân ấy là, tên gọi Quán Thế Âm tức là nghĩa của Chân thân, Phổ Môn thị hiện tức là nghĩa của ứng thân, Chân là trí của nội chứng, ứng thân là thân của ngoại hóa. Nếu so sánh các kinh thì Dụng của đương Tông, tuy không có văn về Thế mà có nghĩa về Thế, vì trí không đơn độc lập nên chắc chắn hợp với pháp thân, há có nắp mà không có hộp - có cảnh vật mà không có gương hay sao? Vậy thì ba thân trong các kinh, có thể lấy riêng pháp thân làm Thế. Hai thân trong phẩm này tức là Pháp - Báo phải phù hợp mà làm Thế. Từ “Chỉ đây v.v...” trở xuống là nói về Lý - Trí không hai, có hai: Một là dựa theo thoát khỏi vướng mắc nói về không hai. Trước nói linh trí phù hợp pháp thân ấy là chẳng phải hai vật hợp lại, chỉ có Thế của linh trí này là Pháp thân. Vì Bốn giác không thể giác cho nên đang vướng mắc, gọi là Như-lai Tạng. Bốn giác tự giác cho nên thoát

khỏi ràng buộc, gọi là Đại Pháp Thân. Nay đã thoát khỏi ràng buộc nghiệm biết trí chính là lý. Từ “Nay biết v.v...” trở xuống dựa theo một vật dụ cho không hai. Tánh đức vốn có đầy đủ tướng của quyền thật, người bày phương tiện chẳng phải trí của tánh đức, vì thế cho nên không biết Đồng Thể quyền thật. Linh trí hiện tại đã biết quyền thật, nghiệm biết lý và trí không hai, lý trí hai tên gọi mà chỉ gọi là Nhất Thể, điều đó giống như một vật nếu người ở bên phải vật thì vật thành bên trái của người, nếu người ở bên trái vật thì vật thành bên phải của người, trái phải tên gọi khác nhau mà vật không hẳn khác nhau, do đó hai trí và lý tên gọi khác nhau mà Thể là một. Từ “Nếu nói rõ v.v...” trở xuống là mở rộng dựa vào Đại bốn giải thích. Ba là nói về Tông, có bốn: Đầu tiên chính là nói về Tông của phẩm này, có hai: Thứ nhất chỉ ra sơ lược. Chương Thể đã trình bày Trí phù hợp pháp thân, ấy là Thể thoát khỏi ràng buộc. Thể này mở rộng có ứng của tự tại, Ứng này đối với hai cơ ngầm kín và hiển bày. Thu nhiếp hết ở một phẩm văn kinh chẳng gì không cùng tận, cho nên dùng cảm ứng làm Tông của phẩm này. Từ “Thập giới v.v...” trở xuống là chỉ ra Tướng, có hai: Một là chỉ ra tướng cơ ứng. Thể thoát khỏi ràng buộc ở trên là tri của lạng chiếu, mười cơ nếu hợp tức là chiếu của tịch, liền được Chân trí kín đáo dứt trừ các khổ đau, nếu mười cơ hợp thì tịch của chiếu, mới được ứng tượng hiển bày ban cho các niềm vui. Vắng lạng - soi chiếu không hai mà chỉ là một trí, ban cho và dứt trừ tuy khác nhau cần phải động niệm? Dẫn đến có trước sau tức là hai lần hỏi đáp, nói có trước sau chẳng phải ngay một lúc vậy. Hai từ “Ích văn v.v...” trở xuống là hai lần nêu ra nghĩa của tông yếu. Bày nạn ba độc hai mong cầu được thoát khỏi, ba mươi ba thân, mười chín lần nói pháp được cứu độ. Văn nghĩa của đoạn này dụ như các mắt lưới, nếu kéo lưới của cảm ứng, thì các mắt lưới chẳng có mắt nào không chuyển động. Đây là Tông Yếu người nào nói là không đúng? Từ “Kinh khác v.v...” trở xuống là giải thích khác nhau so với kinh khác, có hai: Một là chỉ ra nơi khác sử dụng nhân quả, Bộ nói về nhân quả Nhất thừa, Tịnh danh nói về nhân quả cõi Phật, Quán kinh nói về tâm quán, Kim Quang Minh hướng về quả đức, tuy đơn phức không giống nhau, nhưng không ngoài nhân quả. Đây là các kinh nói về tướng của Tông. Từ “Nay phẩm v.v...” trở xuống dựa vào đây nói về lấy và bỏ, có hai: Một là bỏ nghĩa nhân quả thông suốt. Nói không thể như vậy ấy chính là nói về Tông của phẩm này không sử dụng nhân quả. Vì sao? Vì nếu lấy nghĩa suy ra thì ai không có nhân quả? Từ phàm đến Thánh năng cảm sở cảm, nghĩa này thông suốt khắp nơi chẳng phải chính là

Tông này. Nhưng ý kinh không nói đến tức là đưa ra ý không sử dụng nhân quả, bởi do văn kinh không nói về Quán Âm tự hành tu chứng. Theo Như-lai trả lời về nguyên do được tên gọi, chỉ nói lập tức quán sát âm thanh đó, còn không nói về Quán Âm thanh và quán pháp, há có tướng của quán thành tựu đi vào địa vị hay sao? Hoặc kinh Phật Đảnh Thủ lảng nghiêm chép: “Xưa Quán Thế Âm, Phật dạy Ta từ Văn, Tư, Tu đi vào Tam ma địa, ban đầu đối với những gì nhập vào trong văn (Nghe) trôi mất, chỗ vào đã vắng lặng hai tướng động - tĩnh, rõ ràng không sanh. Như thế dần dần tăng thêm nghe hết những gì được nghe, nghe hết mà không trụ, biết và những gì được biết đều không, giác ngộ không cực Viên không và sở không đều diệt, sanh diệt đã diệt nên vắng lặng hiện tiền, bỗng nhiên vượt qua thế gian và xuất thế gian, mười phương đầy đủ rõ ràng đạt được hai loại thù thắng. Một là trên phù hợp với bốn diệu giác tâm của chư Phật mười phương, cùng với các đức Như-lai chung một Từ lực. Hai là dưới phù hợp với tất cả chúng sanh sáu đường trong mười phương, cùng với các chúng sanh chung một Bi ngưỡng. Thậm chí cùng Từ lực cho nên thường hiện rõ ứng thân, cùng Bi ngưỡng cho nên thường ban cho vô úy”. Còn kinh Đại Bi Tâm Đà-la-ni : “Xưa Thiên Quang Vương Tịnh Trụ Như-lai, vì Ta nói Đà-la-ni Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại Đại Bi Tâm này, dùng tay sắc vàng xoa trên đỉnh đầu Ta, nói lời như vậy: Ông nên hành trì tâm chú này, rộng vì tất cả chúng sanh trong đời xấu ác làm lợi lạc rộng lớn. Ta vào lúc này mới trú vào Sơ Địa, một lần nghe chú này liền vượt lên Địa thứ tám, thậm chí thân sanh ra ngàn tay ngàn mắt v.v...” Hoặc hai môn Tích Bồ trong Đại Bộ hiện nay, mở rộng nói về Như-lai tu nhân chứng quả, và trong các kinh nói về nhân quả của Phật - văn đều có thể thấy. Phẩm này không phải thế, cho nên nói văn ý hình như không đến nơi này. Từ “Các nhà chọn cơ v.v...” trở xuống chọn lấy cảm ứng giúp đỡ văn. Bởi vì trong lần trả lời trước kín đáo Ứng hiển bày cơ, giải thích đầy đủ ba nghiệp, xưng danh thường niệm và lễ bái v.v... là văn có nhân. Tránh khỏi bảy loại nạn, xa lìa ba độc căn, là văn có quả. Đến trong lần trả lời sau hiển bày Ứng ngầm kín cơ, vì thế cho nên không nói ba nghiệp hiện rõ nhân, mà cảm các thân nói pháp, đều nói là được độ. Bởi lẽ tùy theo cạn sâu đều có thể được được bờ, văn này có quả. Văn nhân quả này dùng Cảm hưởng về thu nhận, có điều gì là thiếu sót? “Thánh tuy không có” v.v... trở xuống là văn tuy không nêu ra Quán Âm tu chứng, mà bàn luận đầy đủ về ngầm kín - hiển bày lợi ích cứu vật vô cùng. Dùng ứng hưởng về thu nhận càng không có gì sai lầm. Hỏi: Trước kia giải thích

tên gọi, Chương An thông suốt nói về mười cặp, từ bi - Phước tuệ thuộc về nhân, chân ứng - trí đoạn thuộc về quả. Đến trong phần biệt giải thích, về người, tức là quán trọn vẹn từ đầu đến cuối, giải thích pháp thì mười Phổ từ đầu đến cuối, đến nay nói về Tông, tại vì sao bèn nói Thánh không nhân quả? Đáp: Chung riêng giải thích tên gọi nói về Quán Thế Âm cho đến Phổ Môn, đã là Đẳng Giác, vô thượng người, pháp, đạo lý cần phải nói về phát tâm lập hạnh từ nhân đến quả, chính là chọn lấy pháp tướng tu chứng đã giải thích trong một đời nói giáo. Giải thích về người pháp đây chính là nghĩa mở rộng, hợp lại có nhân quả vậy. Nay nói về Tông Yếu lý cần phải giúp đỡ văn, há có thể đoạt lấy nhân quả kinh khác ư? Cần phải biết rằng nay nói Thánh không nhân quả, chính là văn không có gì không phương hại giải thích tên gọi - nghĩa cầu tự có. Vì thế cho nên nay nói văn không đề cập đến đây. Nên biết rằng nay Tông không chọn lấy nhân quả, chỉ sử dụng cảm ứng sơ lược có ba ý: Một là kinh đã không bàn đến lý của sở chứng, cho nên nhường linh trí phù hợp với pháp thân làm Thể, đã là lý sâu xa thuộc về Thể do đó gồm thấu vật làm Tông. Hai là kinh không bàn về tướng tự tu chứng của bậc Thánh, nếu sử dụng nhân quả thì không giúp đỡ văn. Ba là một phẩm trước sau chỉ giải thích hai ứng ngầm kín và hiển bày đối với hai cơ ngầm kín và hiển bày. Nếu sử dụng cảm ứng thì Tông yếu dễ dàng thành tựu.

Từ “Cảm ứng v.v...” trở xuống là dựa vào Đại Bản. Từ “Hỏi nếu v.v...” trở xuống là xen lẫn phân biệt hiển bày tướng. Gồm có mười một lần hỏi đáp phân ra năm: Một là bốn lần dựa theo cơ phân biệt, có bốn: Đầu tiên là thiện ác đều cảm nói về nghĩa nhỏ yếu, có hai: Thứ nhất - Hỏi: Nếu nói cơ ấy tức là trong Đại Bản giải thích tên gọi rằng: Cơ nghĩa là nhỏ bé, cho nên dễ nói. Cơ ấy là chuyển động bé nhỏ, trước tiên hiện rõ thuận lợi, chúng sanh có thiện nghiệp sắp phát sanh, thiện nghiệp này hơi hơi sắp chuyển động mà được làm cơ. Nay lấy thiện ví dụ ác, cũng có nghĩa về nhỏ nhẹ chuyển động sắp phát sanh, có thể được làm cơ hay không” hai là Đáp: Không sai ấy là thừa nhận cũng là cơ. Tâm bậc thánh soi chiếu đầy đủ thiện ác không sót, thiện nhỏ bé sắp phát sinh nghĩ rằng muốn mang lại niềm vui, ác nhỏ bé sắp phát sinh nghĩ rằng muốn dứt trừ đau khổ v.v... Hai là tánh thiện kín đáo, ẩn giấu nói lên nghĩa phát sinh, có hai: Thứ nhất. Hỏi: Không biết tánh thiện có nghĩa có thể sanh hay không? Cho nên nên lên câu hỏi này. Hai là Đáp: Kín đáo ẩn giấu không hiện rõ cho nên phải là Thánh ứng, thiện tánh này vì thế có thể sắp phát sinh. Ba là thiện, ác từ bi, nghĩa liên quan với

nhau, có hai: Thứ nhất. Hỏi: Nếu thiện đã thành tựu thì không cần phải liên quan đến Thánh, nếu liên quan Thánh ứng thì nên thiện bé nhỏ thành rõ rồi, ác liên quan Thánh ứng cũng là ác bé nhỏ trở thành rõ ràng chẳng? Hai là đáp: Thánh há thành tựu cái ác của chúng sanh hay sao? Chỉ vì thiện tánh pháp tự nhiên liên quan với Từ ứng, thì thiện thành tựu được niềm vui, ác liên quan với Bi ứng thì ác diệt lìa khổ, đồng Thể cho nên liên quan chẳng thứ lớp như vậy. Bốn là tướng cảm ứng xứng hợp với giải thích nghĩa thích nghi, có hai: Thứ nhất. Hỏi: Trí Thánh xét kỹ căn cơ nên sử dụng pháp gì, sao đem giải Thích Cảm nói rằng cơ thích hợp vậy? Hai là đáp: Thích nghi chắc chắn thích hợp đâu hạn cuộc ở tại Ứng, dụ của đày và nắp không ở một phía nào. Hai là một lần dựa theo ứng phân biệt, có hai: Đầu tiên là dựa theo hai thân không ứng để hỏi. Hai là dựa theo hai thân đều ứng để trả lời. Pháp thân tích tụ vô lượng pháp môn, thường thích ứng các loại quán trí của chúng sanh. Ứng thân tích tụ vô lượng thân biến, thường thích với các loại thấy nghe của chúng sanh. Ba là ba lần đối chiếu nhau phân biệt, có ba: Đầu tiên trình bày cảm ứng chẳng phải nhất - dị, có hai: Một là hỏi, hai là đáp. Không đồng đều cho nên cảm ứng- không khác nhau cho nên tương quan. Hai là trình bày cảm ứng không phải hư - thực, có hai: Một là hỏi: Hai là đáp. Vân vân ấy là nghĩa tùy theo ví dụ trên. Đã chẳng phải một khác cũng chẳng phải hư - thực, như vậy cặp chẳng phải hư- thực và chẳng phải nhất - dị cần phải đạt được ý đó. Tâm - Phật - Chúng sanh là ba vô sai khác, lý vốn không sai khác mà sai khác chiếu dựa theo công dụng của Sự. Lý tam thiên như nhau cho nên bất dị, Sự mê ngộ khác nhau cho nên bất nhất. Ngộ cho nên Phật pháp là ứng, mê cho nên tâm - chúng sanh là cảm. Lý vốn đồng đều cho nên chẳng phải thực, sự tạm thời khác nhau cho nên chẳng phải hư. Vì thế trong Không hai môn nói: “Huyền cơ huyền cảm huyền ứng huyền phó, do đó tướng khác nhau của Địa - Trú tiền vẫn còn, địa vị chân thật từng phần từng phần giống với Thể Dụng của Phật, còn như rớt ráo thì cảm ứng đều mất, lại đâu nói về nhất dị - hư thực”. Từ “Vì người khác v.v...” trở xuống nói về cảm ứng khó nghĩ bàn, có hai: Thứ nhất thuật lại hỏi đáp nơi khác, có hai: Một là nghi ngờ phàm Thánh ngăn cách khác nhau chẳng phải cảm ứng. Khắc phục nói về cảm ứng Thể đó đều tách biệt, tuy cùng nhau lập nên năng sở, mà phàm Thánh chắc chắn phân biệt. Sở cảm là Thánh nhất định chẳng phải năng cảm, sở ứng là phàm xác định chẳng phải năng ứng. Cảm ứng ngăn cách sao gọi là Đạo Giao? Hai là đáp: Năng sở còn mất cho nên Đạo Giao, có hai: Đầu tiên cùng nhau nói về năng

sở. Trước kia lập nên sở cảm - sở ứng không thật, tại vì sao? Bởi vì sở cảm chẳng phải là phàm cho nên không thật, sở ứng chẳng phải là Thánh do đó không thật. Kế đó lập ra năng ứng - năng cảm không thật, tại vì sao? Bởi vì trở lại lấy sở cảm làm năng ứng, sở cảm đã không thật, cho nên năng ứng không thật. Lại lấy sở ứng làm năng cảm, sở ứng đã không thật cho nên năng cảm không thật. Cả hai đã không thật - cả hai cũng chẳng phải khác nhau. Từ “Bất dị v.v...” trở xuống đều nói về còn - mất. Đã không có thật- không có khác, sao gọi là cảm ứng đạo giao? Bởi vì cùng còn cùng mất mà lập ra không khác mà khác, bởi vì sở cảm mà làm năng ứng, sở ứng làm năng cảm, cho nên cảm ứng không khác nhau, mà nay phía Thánh mất từ sở cảm, gọi làm năng ứng, phía phàm mất đi sở ứng, gọi làm năng cảm, cho nên thành tựu mà khác nhau; chính nơi mà khác nhau, cho nên có cảm ứng, ngay nơi không khác nhau đó cho nên được đạo giao. Đây là tình ý Sư xưa giải thích về nghĩa cảm ứng và đạo giao. Từ “Riêng hỏi v.v...” trở xuống là Chương An phá - lập, có hai: Đầu tiên chất vấn nghĩa kia không thành tựu, có hai: Thứ nhất chất vấn nghĩa đã lập không thành tựu, có hai: Một là trình bày còn - mất không thành tựu. Tuy dùng năng sở cùng nói về còn - mất, mà suy xét kỹ Thể trạng đó chỉ ở tại phía Thánh, mất cái cảm của phàm đó lại ở tại bên phàm mất đi cái ứng của Thánh. Bởi vì Thánh đó mất năng ứng không được, phàm mất năng cảm không được. Nếu như vậy thì cảm ứng mãi mãi khác nhau, sao nói là không khác? Từ “Lại cảm v.v...” trở xuống trình bày không khác nhau không thành tựu. Đại ý giống như trước. Từ “Lại hỏi v.v...” trở xuống dùng bốn tánh kết luận sai lầm. Cảm năng ứng tự thuộc về nơi cơ cảm, sở ứng năng tự thuộc về nơi ứng, cho nên là tự tánh. Hai câu kế là tuy liên quan đến cảm ứng, mà nghĩa không liên quan gì bởi vì còn thuộc về tự tánh. Tiếp đến có bốn câu đều từ nơi kia phát sanh, cho nên thuộc về Tha tánh. Thứ ba không chỉ căn cứ vào Tự - không chỉ căn cứ vào Tha, cần phải cả hai hợp lại sanh ra mới thuộc về tánh chung (cộng tánh). Nếu xa lìa Tự - Tha thì thuộc về tánh không có nhân (vô nhân tánh). Từ “Hỏi nếu v.v...” trở xuống trình bày nay có thể khéo khế hợp nhau, có hai: Một là xa lìa bốn câu không có cảm ứng để hỏi. Hai từ “Đáp Thánh v.v...” trở xuống dùng bốn tất-đần lập thành nhân duyên mà trả lời. Đại Thánh chứng trọn vẹn lý sự ba ngàn, cùng ở tại một tâm cho nên tâm bình đẳng, mỗi mỗi đều hiểu rõ tức không Giả - Trung, cho nên tâm vô trụ. Bạc Thánh đã dùng tâm bình đẳng vô trụ này làm pháp năng ứng, vì thế không trú trước vào sở ứng cơ cảm, chỉ tùy theo mười cõi giới ưa muốn bàn thích nghi phá trừ

ác đi vào lý bốn cơ kế hợp. Tức là lấy thế giới, vị nhân, đối trị, Đệ nhất nghĩa, pháp của bốn thứ tất-đàn tùy ý vận dụng mà ứng. Cảm ứng này há có thể dùng Tự Tha đó mà nghĩ cộng và bất cộng bàn ư? Lại nữa, chúng sanh hưởng về tự phát sinh cảm ứng. Có bốn lợi ích ấy, cũng có thể nói rằng tự cảm tự ứng. Nếu đối với ba loại có bốn lợi ích ấy, cũng có thể nói rằng do cảm phát sinh ứng - do ứng phát sinh cảm, cộng năng sinh cảm, cộng năng sinh ứng - lia hai có cảm, lia hai có ứng, đều có thể được nói. Đã không có bốn chấp tùy theo cơ nói ra bốn, cho nên các kinh luận bàn về cảm ứng, không ra ngoài bốn thứ này. Từ “Hỏi vọng chấp v.v...” trở xuống là một lần dựa theo cơ phân biệt, có hai : Một là nghi ngờ vọng chấp thiện chẳng phải cơ. Hai là Đáp: Vọng chấp là ác năng cảm. Từ “Hỏi vọng chấp v.v...” trở xuống là hai lần đối chiếu nhau phân biệt, có hai: Thứ nhất chỉ ra diệu ứng tùy theo ý người mà hành động, có hai: Một là hỏi: Hai là đáp. Từ “Hỏi phàm v.v...” trở xuống chỉ rõ bậc chí Thánh dứt trừ tà quy về chánh, có hai : Một là hỏi. Hai là đáp. Bốn là công dụng từ bi lợi ích chúng sanh , có hai: Đầu tiên là nêu lên. Hỏi: Cảm ứng Từ bi là giống nhau hay là sai khác? Nếu điều ấy giống nhau thì sao có thể phân biệt đối chiếu hai chương Tông - Dụng? Nếu điều đó khác nhau, xin đưa ra nghĩa đó. Đáp : Pháp tướng mở ra - hợp lại, cắt giảm lập ra có nhiều cách. Nay văn đã dùng Bát-nhã - Pháp thân hợp làm Thể, chính là đối với Giải thoát phân ra Tông - Dụng, tuy là một đức mà có hai khả năng, cảm ứng thì chung nói liên quan thích nghi, Từ bi thì nói khác về ban cho và dứt trừ. Nếu nói về cảm ứng mà không nói đến Từ bi, thì tựa như Nhân Vương giáng thế mà không có công lao quản lý sửa đổi. Nay nói về cảm ứng thì thu nhận tất cả nghĩa kinh, cho nên lập làm Tông. Kế là nêu ra Từ bi thì nghĩa lợi ích đầy đủ, cho nên lập làm Dụng. Mở ra một thành hai, ý đó sơ lược như vậy. Từ “Hai trí v.v...” trở xuống là giải thích, có hai: Đầu tiên chính là nói về ẩn hiển, có hai: Một là giải thích sơ lược, có hai: Thứ nhất đối chiếu hai trí giải thích về Dụng, có hai: Trước hết là hỏi. Dụng của Diệu kinh là dứt trừ quyền nghi phát sinh thật tín, chính là thích hợp hai trí đâu chỉ về Từ bi? Hai là đáp: Dụng của hai trí thông suốt kéo dài một bộ, có đủ - Trí - Từ-Bi nay phẩm sử dụng riêng. Hai từ “Nơi khác giải thích v.v...” trở xuống là dựa vào hai thân nói về lợi ích, có hai: Một là thuật lợi nơi khác giải thích hạn chế. Hai từ “Nay nói v.v...” trở xuống là nói nghĩa chính hiện nay, có hai: Đầu tiên là pháp, có hai: Thứ nhất nói về hai thân đều Thường - Gián, có hai: Một là trình bày hai thân đều Thường. Pháp thân dùng lặng chiếu làm Thường, ứng thân dùng chẳng

nghe làm Thường. Từ “Nếu nói v.v...” trở xuống trình bày hai thân đều là GIÁN. Từ “Nên biết v.v...” trở xuống trình bày hai lợi ích không hai khác nhau. Từ “Thí như v.v...” trở xuống là dụ. Từ “Trong đây v.v...” trở xuống là rộng chỉ. Đại bản trình bày hai mươi lăm Tam-muội Vương phá trừ hai mươi lăm Hữu, hiển bày tánh ngã chân thường, tất cả có bốn ý: Một. Đưa ra sai lầm của các hữu. Hai. trình bày công đức của bốn pháp. Ba. kết luận hành thành tựu Tam-muội. Bốn. Từ bi phá trừ Hữu. Quán Âm tự hành đã phá trừ sai lầm hoặc nghiệp của các Hữu, công đức Tam-muội đều đã thành tựu, chính là dùng từ bi khiến cho người khác phá trừ Hữu, vì thế biết nay sử dụng chính là ý thứ tư vậy. Từ “Vấn quán v.v...” trở xuống bao gồm giải thích về Bốn Tích, có ba: đầu tiên là nói Bốn tích khó biết, có hai: Một là hỏi, hai là đáp. Từ “Như Quán v.v...” trở xuống là nói nhân quả giới thiệu khác nhau, có hai: Một là dẫn ra hai kinh nói còn thuộc về nhân. Hai từ “Hoặc như Quán v.v...” trở xuống dẫn ra một kinh nói đã thành tựu quả. Ba là từ “Hai văn v.v...” trở xuống là sử dụng tất-đàn để hòa hợp quy tụ, có hai: Một là hỏi. Hai từ “Chính là v.v...” trở xuống là giải thích. Hoặc nói đã thành - hoặc nói chưa thành, vì thuận theo cơ duyên khiến cho được lợi ích, dùng cầu thực tế đó. Thứ năm là nói về Giáo tướng, có hai: Đầu tiên là xác định văn tướng, có hai: Một là trình nói rộng về các bộ. Hai là từ “Nay chỗ v.v...” trở xuống chính là chỉ ra phẩm đã lưu truyền, có hai: Một là chỉ ra một phẩm của Diệu kinh. Từ “Mà biệt v.v...” trở xuống là nói lý do lưu hành riêng. Từ “Phẩm này v.v...” trở xuống nói về giáo tướng, có hai: Đầu tiên giống như tướng đề hồ trong Bốn kinh, có hai: Một là nói về ý của phẩm. Tất cả ở tại bỏ quyền bày thật: Tạm thời nêu ra Tích Môn, cũng nên lại nói khai tích hiển bốn. Đây chính là dùng phẩm Phương Tiện đến hết mười chín hàng kệ ở phẩm Phân Biệt Công Đức, đều làm Chánh Tông. Từ sau mười chín hàng kệ trở xuống, đều làm hai môn Bốn Tích Lưu Thông. Từ “Viên nhân v.v...” trở xuống nói về Giáo Vị. Pháp trọn vẹn tức là pháp vốn giải thích về hai môn Bốn Tích. Giáo đầy đủ tức là giáo thường giải thích về hai Bốn Tích. Từ “Hỏi văn v.v...” trở xuống khảo sát tỉ mỉ nghĩa thực thi khai bày của phẩm này, có hai: Đầu tiên khảo sát tỉ mỉ tướng thành tựu thi hành quyền, có hai: Một là dựa theo Phương Tiện trái với Viên để hỏi. Từ “Căn cứ v.v...” trở xuống dựa theo giúp đỡ Thực thi hành Quyền để trả lời, có hai: Một là dựa theo con người thật sự thi hành quyền để trả lời. Bạc thánh Viên giáo có nói nghiêng về là dẫn dắt tiệm cơ, há Phật nói Tiểu thừa khiến cho Phật là Tiểu thừa hay sao? Chính là người năng nói mới phân định

thuộc về Viên giáo. Từ “Lại Phó v.v...” trở xuống dựa theo quyền thường thông suốt Thật để trả lời. Tín hiểu sâu tức là dặn dò để lại rằng người tin tưởng trí tuệ của Như-lai. Nếu người không tin tưởng, tức là người của bảy phương tiện. Từ “Lại hỏi v.v...” trở xuống là khảo sát tỉ mỉ tướng thành tựu mở bày quyền, có hai: Một là dựa theo cơ giống như vườn Nai để chất vấn. Người nói tuy là Viên giáo mà người vâng theo có cả Tiểu thừa, vả lại như vườn Nai thì chẳng lẽ Phật không Viên hay sao? Chỉ y cứ vào người bảm thọ xếp vào Tam Tạng, nay há không phải như vậy ư? Hai là dựa theo bộ khai bày quyền Tích để trả lời. Tiểu bộ A-hàm chưa khai bày quyền Tích, liền khiến cho Giáo Vị tùy theo cơ thuộc về Tiểu thừa. Nay kinh khai bày biểu hiện rõ ra thì quyền là thật, ngay nơi Tích là Bốn, tuy nói pháp Tiểu thừa mà là thông suốt Viên kinh, há giống như vườn Nai ư? Từ “Hỏi văn trên v.v...” trở xuống là khảo sát tỉ mỉ tướng thành tựu diệu dụng, có hai: Một là dựa theo tướng xả bỏ Dụng trái lại để hỏi. Hai là dựa theo Thể dụng khó suy lường để trả lời. Chánh Tông bỏ Quyền lập Thật cho nên nói là Xả. Lưu Thông là thật thì quyền cho nên phải dùng. Hiển bày thật thể sau đó nói về Quyền Dụng, đây là phương tiện bí mật tuyệt diệu của kinh này.

